

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**
Số: 75/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Xương, ngày 01 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 75/2021 ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án" của những người yêu cầu:

1. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
2. Anh Nguyễn Đại D, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG HÒA GIẢI THÀNH

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

[2] *Về nội dung yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án*:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đại D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 11/3/2016 anh, chị mới lên UBND xã Q (nay là xã T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ 02/2021, chị Q đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh, chị thống nhất, vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 08/01/2016, Nguyễn Đại N, sinh ngày 18/8/2017. Ly hôn, anh, chị thống nhất: Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồng A, anh D nuôi cháu Đại N. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với ai.

- *Về tài sản và công nợ*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 32; Điều 33; Điều 34 và Điều 35 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đại D.

- **Về con chung:** Anh, chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 08/01/2016, Nguyễn Đại N, sinh ngày 18/8/2017. Ly hôn, anh, chị thống nhất: Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồng A, anh D nuôi dưỡng cháu Đại N. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với ai.

Anh D, chị Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản và công nợ:** Anh D, Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về chi phí hòa giải tại Tòa án: Chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Đại D không phải chịu.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Các bên liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác mà họ không thực hiện được quyền đề nghị theo đúng thời hạn thì thời gian đó không tính vào thời hạn đề nghị.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Quảng Xương.
- UBND xã T, Huyện Q;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Mai Thị Lý